

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ  
KHOA SAU ĐẠI HỌC

**MAI THỊ HUẾ**

**NGHIÊN CỨU QUÁ TRÌNH THỤ ĐẮC  
TỪ LI HỢP TRONG TIẾNG HÁN HIỆN ĐẠI CỦA  
SINH VIÊN VIỆT NAM**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SỸ  
CHUYÊN NGÀNH LL VÀ PPGD TIẾNG TRUNG QUỐC**

Chuyên ngành nghiên cứu: Lí luận và phương pháp  
dạy học tiếng Trung Quốc

Mã ngành: 914023401

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS. Phạm Ngọc Hàm

**Tháng 6 năm 2018**

## **01. Đặt vấn đề**

Từ li hợp là những từ song âm tiết, kết cấu chủ yếu là dạng “động - tân”, chúng có đặc điểm của từ, song cũng có thể tách ra trong quá trình sử dụng. Với số lượng lớn và sự thông dụng, lại thêm nhiều tính chất đặc biệt, phức tạp của nó, nên đã được coi là điểm khó và trọng điểm đối với người học tiếng Hán với tư cách là ngôn ngữ thứ hai.

Kết quả điều tra cho thấy, sinh viên Việt Nam thường mắc lỗi do ảnh hưởng của sự khác biệt với tiếng Việt và vấn đề phức tạp trong quy phạm của từ, như: “见他的面/gặp mặt anh ấy” sắp xếp sai trật tự từ thành “见面他” hoặc “叹气/than thở” mở rộng thành “叹气了很多/ Than thở quá nhiều”... Tính phức tạp của bản thân từ li hợp gồm: khó phân biệt chúng là từ hay tổ hợp từ, chức năng ngữ pháp, trật tự thành phần chêm khi mở rộng từ và cách dùng đặc biệt của chúng như đảo ngữ, điệp ngữ...

Đến nay ở Trung Quốc và Việt Nam các nghiên cứu về thụ đắc từ li hợp còn khá ít và có thể nói vẫn chưa được hệ thống, toàn diện. Điều này cũng là lí do khiến chúng tôi quyết định tiếp tục nghiên cứu lĩnh vực này, bổ sung thêm cho những phần còn khuyết trống. Chúng tôi cho rằng, nghiên cứu này có ý nghĩa lí luận sâu sắc và có giá trị ứng dụng thực tiễn cao. Vì vậy, chúng tôi đã chọn vấn đề “ nghiên cứu quá trình thụ đắc từ li hợp trong tiếng Hán hiện đại của sinh viên Việt Nam” làm đề tài luận án tiến sĩ của mình.

## **02. Mục đích và ý nghĩa của nghiên cứu**

Mục đích nghiên cứu của luận án gồm: Khảo sát hiện trạng quá trình thụ đắc từ li hợp ở sinh viên Việt Nam, chỉ ra những mặt tồn tại và hướng khắc phục, đồng thời, tiến hành phân tích đặc điểm và loại hình, nguyên nhân của lỗi, đưa ra kiến nghị về trình tự thụ đắc và phương pháp dạy học, nhằm cung cấp tài liệu tham khảo cho việc giải quyết, khắc phục hiện trạng của vấn đề này, góp phần nâng cao hiệu quả dạy học tiếng Hán cho sinh viên Việt Nam, trước hết là phương diện từ li hợp.

## **03. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của luận án là: quá trình thụ đắc từ li hợp của sinh viên Việt Nam. Trong luận án này, chúng tôi chọn nghiên cứu trường hợp, khách thể nghiên cứu là sinh viên đại học chính quy khoa Tiếng Trung năm thứ nhất và năm thứ hai của hai trường trọng điểm là Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Hà Nội. Phạm vi nghiên cứu gồm hiện trạng quá trình thụ đắc, lỗi sai khi sử dụng từ li hợp trong tiếng Hán hiện đại.

#### **04. Nhiệm vụ nghiên cứu**

(1) Tổng hợp lại các vấn đề lí luận và tình hình nghiên cứu hữu quan; (2) Tiến hành khảo sát quá trình thụ đắc từ li hợp trong tiếng Hán hiện đại của sinh viên Việt Nam, làm rõ hiện trạng của quá trình thụ đắc; Tiến hành khảo sát lỗi sai trong quá trình thụ đắc. Qua kết quả phân tích, chỉ ra đặc điểm loại hình lỗi sai; (3) Làm rõ nguyên nhân của lỗi và chỉ ra mô thức dạy học, quy trình giảng dạy và phương pháp giảng dạy từ li hợp.

#### **05. Điểm mới của luận án**

Có thể nói, luận án này là công trình nghiên cứu đầu tiên ở Việt Nam có tính hệ thống và toàn diện về quá trình thụ đắc từ li hợp trong tiếng Hán hiện đại của sinh viên Việt Nam. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, luận án đưa ra kiến nghị về trình tự thụ đắc, phương pháp dạy và học cũng như biên soạn giáo trình, nhằm nâng cao hiệu quả dạy học trước hết là phương diện từ li hợp.

#### **06. Phương pháp nghiên cứu**

Phương pháp nghiên cứu của luận án bao gồm: Phương pháp tổng hợp, phương pháp khảo sát, miêu tả, phân tích, từ định lượng đến định tính, phương pháp so sánh đối chiếu...

#### **07. Cấu trúc luận án**

Nội dung luận án gồm 3 chương. Chương 1: Tổng quan nghiên cứu và những vấn đề lí luận hữu quan. Chương 2: Khảo sát, phân tích hiện trạng thụ đắc từ li hợp trong tiếng Hán hiện đại của sinh viên Việt Nam. Chương 3: Mô thức dạy học, quy trình thụ đắc từ li hợp và kiến nghị trong dạy học từ li hợp cho sinh viên Việt Nam.

## CHƯƠNG 1

### TỔNG THUẬT NGHIÊN CỨU VÀ LÝ LUẬN TƯƠNG QUAN

#### 1.1. Khái niệm từ li hợp trong tiếng Hán hiện đại

##### 1.1.1. Định nghĩa và giới định từ li hợp

Từ li hợp là những từ song âm tiết, kết cấu chủ yếu là dạng “động - tân”, chúng có đặc điểm của từ, song cũng có thể tách ra trong quá trình sử dụng, không giống ý nghĩa của đoạn ngữ ghép tạm thời các từ để diễn đạt ý mà chúng mang một nghĩa đơn và tổng thể. Kết cấu tách mở rộng từ cũng trong giới hạn của nó, đó cũng là điểm khác với đoạn ngữ.

Đối với từ li hợp trong tiếng Hán, có học giả cho là từ, có học giả cho là nằm giữa danh giới từ và tổ từ. Chúng tôi tán thành quan quan điểm là nằm giữa từ và tổ từ gọi là “tiếp giới từ”, tức là nằm trong cả hai trường hợp, khi hợp là từ, khi phân li là đoản ngữ.

##### 1.1.2. Phân loại từ li hợp

Giới nghiên cứu tiếng Hán thường chia từ li hợp thành ba loại chính, gồm: (1) thuật tân; (2) thuật bổ; (3) chủ vị.

##### 1.1.3. Phân tích trọng điểm và điểm khó của từ li hợp trong dạy học

Từ li hợp không chỉ là điểm khó trong dạy học mà còn là trọng điểm trong tiếng Hán do số lượng và tính thông dụng, chỉ có học tốt từ li hợp mới có thể đạt được hiệu quả tốt hơn trong diễn đạt giao tiếp, làm cho người học càng phong phú trong vận dụng sử dụng ngôn ngữ Hán.

#### 1.2. Lý luận liên quan đến dạy học tiếng Hán với tư cách ngôn ngữ thứ hai

##### 1.2.1. Lý luận thụ đắc ngôn ngữ thứ hai

Thụ đắc ngôn ngữ thứ hai là khắc phục thói quen cũ, cũng chính là ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ, bồi dưỡng thói quen mới, chính là quá trình của ngôn ngữ thứ hai. Lý luận về hoàn cảnh còn liên quan tới khái niệm cách biệt xã hội. Cái gọi là cách biệt xã hội chỉ người học là một thành viên trong tập thể xã hội và tạo ra một loại ngôn ngữ khác của tiếp xúc quần thể xã hội.

### **1.2.2. Lí luận về phân tích đối chiếu**

Đối chiếu là một trong những phương pháp quan trọng nhất trong nghiên cứu khoa học. Đối với nghiên cứu ngôn ngữ mà nói, nghiên cứu đối chiếu là một loại phương pháp chỉ người nghiên cứu quyết định mục đích nghiên cứu nhất định, lựa chọn một đối tượng nghiên cứu phù hợp và tiến hành đối chiếu tìm hiểu đồng, dị. Từ đó tìm ra quy luật và đặc điểm ngôn ngữ. Người nghiên cứu có thể đối với hai loại hoặc hai loại ngôn ngữ trở nên tiến hành so sánh, cũng có thể đối với trong đồng một loại ngôn ngữ tiến hành so sánh hai hoặc hai loại hiện tượng ngôn ngữ trở lên. Mục đích so sánh là làm rõ điểm giống và khác nhau giữa chúng. Phạm vi ứng dụng của đối chiếu ngôn ngữ học và ngôn ngữ học đối chiếu rất rộng, nhất là dạy học ngôn ngữ thứ hai và dịch thuật.

### **1.2.3. Lí luận về ngôn ngữ trung gian**

Lưu Tùng Hào cho rằng “Ngôn ngữ trung gian” là ngôn ngữ của người học ngôn ngữ thứ hai không giống với ngôn ngữ mẹ đẻ cũng không giống với ngôn ngữ đang học”. Đối với thụ đắc ngôn ngữ và phân tích lỗi sai, không thể không đề cập đến ngôn ngữ trung gian, vì ngôn ngữ trung gian là khởi đầu có tác dụng quan trọng với giao thoa ngôn ngữ. Các học giả hiện nay định nghĩa về ngôn ngữ trung gian còn nhiều điểm bất đồng, có người cho rằng, ngôn ngữ trung gian còn gọi là ngữ quá độ hoặc là ngữ chuyên giao, chỉ về quá trình thụ đắc ngôn ngữ thứ hai người học thông qua chiến lược học tập nhất định, tiếp thu và hình thành một loại vừa không giống với ngôn ngữ thứ nhất vừa không giống với ngôn ngữ thứ hai đang học, mà vẫn theo thời gian học tập gia tăng và tiến triển theo thành tích học tập. Sau đó, hướng quá độ của ngôn ngữ đang học chuyển dần theo hệ thống đúng của nó.

### **1.2.4. Lí luận về phân tích lỗi sai**

#### ***1.2.4.1. Khái niệm về lỗi***

Lỗi sai là nói đến những sai lệch đối với người học ngôn ngữ thứ hai, là hiện tượng nghiêm trọng thường thấy, có tính quy luật. Loại hình lỗi sai này là

phản ánh điển hình của ngôn ngữ trung gian, là nội dung chủ yếu của nghiên cứu phân tích lỗi sai. Người học trong quá trình thụ đắc ngôn ngữ thứ hai chỉ có thông qua nhiều lần chỉnh sửa lỗi sai thì việc sử dụng ngôn ngữ đang học của họ mới tiến bộ, tiếp cận được với tiêu chuẩn của ngôn ngữ. Phân tích lỗi sai là tiến hành nghiên cứu phân tích đối với người đang trong quá trình học ngôn ngữ thứ hai mắc phải sai lầm. Từ đó đề ra quá trình thụ đắc ngôn ngữ thứ hai, các bước học tập, chiến lược học tập...

#### ***1.2.4.2. Phân loại lỗi sai***

Lỗi sai có thể phân thành 5 loại: sai do thêm thành phần, sai do bớt thành phần, sai vị trí, sai trật tự các thành phần, sai hỗn tạp. Trong đó, sai do thêm từ, còn gọi là “điền thêm”, chỉ về trong câu, hoặc văn bản có một số đơn vị ngôn ngữ không cần thiết. Sai bớt, chỉ về trong câu, hoặc văn bản bớt đi đơn vị ngôn ngữ bắt buộc phải có. Sai vị trí, còn gọi là sai thứ tự, chỉ về câu, văn bản có một hoặc một vài đơn vị ngôn ngữ vị trí, thứ tự sắp xếp sai. Sai thành phần chỉ về cấu trúc ngữ pháp của một câu nào đó vị trí dùng hoặc dùng đơn vị từ ngữ không đúng với nó. Hỗn tạp, chỉ về hai thậm chí nhiều kết cấu ngữ pháp không tương thích ghép vào với nhau, gây ra lỗi.

#### ***1.2.4.3 Nguyên nhân của lỗi***

Các học giả cho rằng, nguyên nhân phát sinh lỗi sai gồm có: Ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ, ảnh hưởng của kiến thức ngôn ngữ đang học, ảnh hưởng của nhân tố văn hóa, ảnh hưởng của chiến lược học tập và chiến lược giao tiếp, ảnh hưởng của môi trường học tập, ảnh hưởng của chiến lược dạy và học...

### **1.3. Tổng quan nghiên cứu**

Trong luận án, chúng tôi tổng hợp lại các nghiên cứu có liên quan đến từ li hợp và thụ đắc từ li hợp. Thuộc tính của từ li hợp, thuyết từ, thuyết tổ hợp từ, thuyết “hợp” là từ, “li” là đoản ngữ..., trong đó bao gồm loại hình mở rộng, nguyên nhân, chức năng, ứng dụng của từ li hợp... Chúng tôi không những điếm lại thành quả nghiên cứu của các học giả Trung Quốc về từ li hợp mà còn tổng kết thành quả của các học giả Việt Nam khi nghiên cứu và giảng dạy từ li hợp. Ngoài ra, luận án cũng xuất phát từ góc độ biên soạn giáo trình và dạy học,

thảo luận về tình hình giảng dạy từ li hợp. Sau đó thảo luận về vấn đề tồn tại trong nghiên cứu. Trong đó chỉ ra bản thân những tồn tại của tình hình nghiên cứu, theo chúng tôi, mặt tồn tại bao gồm: (1) Nghiên cứu tổng thể không cao; (2) Nghiên cứu một phần, định tính chưa sâu; (3) Theo đuổi phần cứng con số, bỏ lửng phần mềm về trạng thái bản chất; (4) Nghiên cứu còn hạn hẹp. Phương diện nghiên cứu ứng dụng cũng tồn tại vấn đề chủ yếu ở giáo trình và phương pháp kết hợp để dạy đề cập chưa đủ sâu và chi tiết.

## **CHƯƠNG 2**

### **KHẢO SÁT VÀ PHÂN TÍCH HIỆN TRẠNG SINH VIÊN VIỆT NAM THỤ ĐẮC TỪ LI HỢP**

Đối chiếu giữa tiếng Hán và tiếng Việt, chúng ta đều dễ dàng thấy được ngữ pháp có sự khác biệt khá lớn, kết cấu trật tự từ có nhiều trái ngược. Ví dụ: Trong tiếng Hán trạng ngữ thường ở vị trí trước trung tâm ngữ, nhưng trong tiếng Việt vị trí trạng ngữ khá là linh hoạt, đại bộ phận là ở sau trung tâm ngữ. Trong hình thức câu, có phần giống nhau nhưng sử dụng giống nhau như: (你去哪儿? /Bạn đi đâu?; 你上哪去? /Bạn đi đâu?). Căn cứ vào điều này thì sinh viên Việt Nam trong quá trình thụ đắc từ li hợp ngoài bản thân tính chất phức tạp của từ li hợp dẫn đến sai lệch thì lí luận này cũng là cơ sở cho nguyên nhân khiến học sinh cảm thấy bối rối, lẫn lộn trong việc xác định từ li hợp, sắp xếp vị trí của từ đối với trường hợp mở rộng từ li hợp..., dẫn đến lỗi sai.

Qua điều tra, khảo sát bằng bảng hỏi và hệ thống bài tập về so sánh ngữ nghĩa, cách dùng từ li hợp của sinh viên năm thứ hai và năm thứ ba cho thấy, sự thụ đắc được coi là gia tăng trong quá trình học. Tần suất sử dụng từ li hợp trong kỹ năng viết thể hiện năng lực vận dụng cao nhất trong quá trình thụ đắc từ li hợp so với ba kỹ năng khác là nghe, nói, đọc. Dưới đây là phân tích về kết quả khảo sát về tần suất sử dụng từ li hợp kỹ năng viết của sinh viên Việt Nam mà chúng tôi thu thập được.

#### **2.1. Khảo sát tần suất sử dụng từ li hợp của sinh viên Việt Nam**

Để tìm hiểu tần suất sử dụng từ li hợp của sinh viên Việt Nam, chúng tôi đã thu thập bài viết để tiến hành điều tra đối với sinh viên năm thứ hai và ba, khóa học 2015 – 2016; 2016 – 2017; 2017 – 2018 khoa Ngôn ngữ- Văn hóa Trung Quốc, trường Đại học ngoại ngữ, Đại học quốc gia và khoa Trung văn Đại học Hà Nội. Trong 3 khóa sinh viên làm bài tập về từ li hợp, chúng tôi thu thập được tổng số là 900 bài viết, mỗi bài viết có độ dài khoảng 250 đến 350 chữ. Sau đó thống kê, tìm ra tần suất sử dụng, cụ thể như sau:

Đối với bài viết về người, viết về sự việc như “Một người ảnh hưởng tới bạn nhiều nhất”, “Kỷ niệm khó quên nhất trong cuộc sống sinh viên”, “Nói về trải nghiệm của bạn”..., và các bài viết liên quan đến cảm hứng, sở thích thì tần suất sử dụng từ li hợp càng nhiều. Thông qua khảo sát, kết quả thống kê cho thấy, bài viết của sinh viên năm thứ 2 đã chú ý sử dụng từ li hợp để biểu đạt viết cho nội dung cần diễn đạt, sử dụng tần suất tương đối cao. Trong 450 bài viết của sinh viên khoa Ngôn ngữ văn hóa Trung Quốc Đại học ngoại ngữ, Đại học Quốc gia, đã dùng 127 từ li hợp, đạt tần suất là 1147 lần. Sinh viên khoa Trung văn, Đại học Hà Nội, sử dụng 118 từ, đạt tần suất là 1007 lần.

Nhưng tần suất sử dụng các từ không giống nhau, thậm chí có khi sự cách biệt rất lớn. Ví dụ: trong 128 từ li hợp, xuất hiện tần suất rất lớn là từ “gặp mặt”, 103/2154 lần, chiếm 9.68%, tiếp đó là từ “nói chuyện” 94/2154 lần, chiếm 8.7%; “lên lớp” 73/2154 lần, chiếm 6.76%; “bơi lội” 61/2154 lần, chiếm 5.66%; “ngủ” 59/2154 lần, chiếm 5.41%; “tức giận” 52/2154 lần, chiếm 4,73%... Nhưng cũng có những từ xuất hiện rất ít, chỉ 1 đến 3 lần, như: “trượt băng”, “trượt tuyết”, “phạm quy”, “phát ngôn”, “chiêu sinh”... Các sinh viên tự làm các bài viết khác nhau liên quan đến các nội dung khác nhau, lựa chọn các từ li hợp phù hợp để biểu đạt tư tưởng, tình cảm của bản thân. Nhưng, so sánh giữa từ ngữ gần gũi cuộc sống và từ trong giáo trình thường dùng trên lớp thì nhiều hơn một chút.

Nguyên nhân xuất hiện tần suất giữa các từ khác nhau chúng tôi cho là do phụ thuộc chủ yếu vào chủ đề, nội dung bài viết, cũng thể hiện tính thông dụng



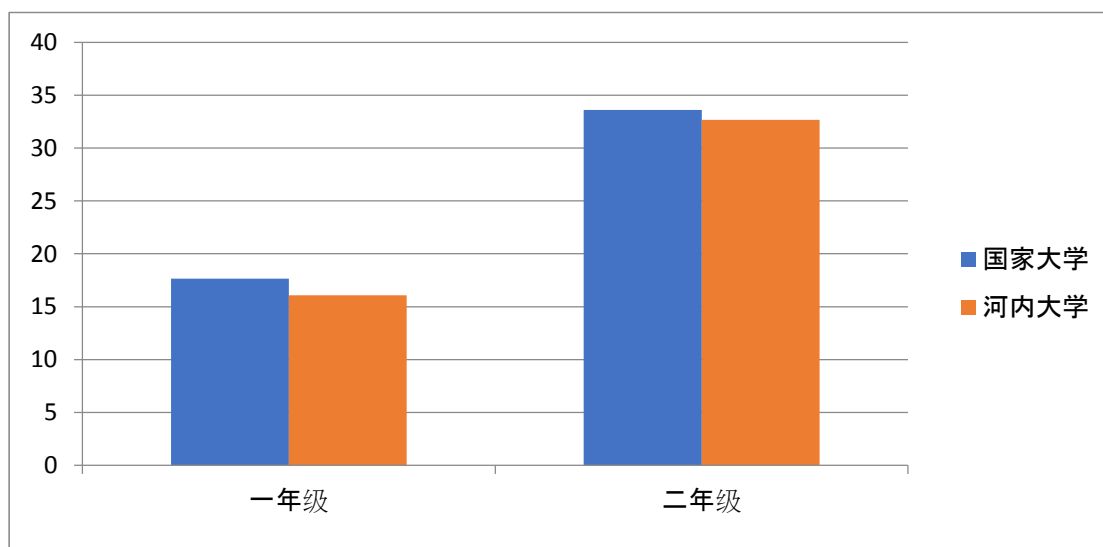
của từ gần gũi cuộc sống được sinh viên thụ đắc cao. Ngoài ra, cũng phụ thuộc một phần vào chữ viết, những từ có chữ viết đơn giản, như từ “见面” cũng được thụ đắc cao nên sinh viên sử dụng trong văn viết nhiều.

Ngoài lượng lớn từ li hợp song âm tiết, trong quá trình viết, một số sinh viên đã dùng đến cách mở rộng từ cho các thành phần tương thích vào trong từ, khiến từ có “hợp”, có “li”. Do đó, tăng thêm hiệu quả biểu đạt, thể hiện đúng sức truyền tải thông tin của từ như: “见面/gặp gỡ; 见朋友的面/gặp gỡ bạn bè”, “生气/bực mình; 生我的气/tôi bực mình”, “惊讶/kinh ngạc; 惊了呀/đã kinh ngạc”,... Dựa theo cách tính phần trăm chúng tôi tiến hành so sánh con số, cụ thể như ở biểu dưới đây.

*Bảng 1 : Hiện trạng tần suất dùng từ li hợp của sinh viên Việt Nam*

Trường	Năm thứ 1 (Sơ cấp)		Năm thứ 2 (trung cấp)	
	Số lượng dùng	Tần suất (%)	Số lượng dùng	Tần suất (%)
Đại học quốc gia	225	17.67	428	33.59
Đại học Hà Nội	205	16.09	416	32.65
Tổng	430	33.76	844	66.24

*Biểu đồ 1: So sánh tần suất dùng từ li hợp của sinh viên Việt Nam*



## 2.2. Khảo sát về cách

## **mở rộng từ và thêm thành phần cho từ li hợp**

Để hiểu hiện trạng và quá trình sử dụng từ năm 1 đến năm 2 của sinh viên về nắm bắt cách mở rộng từ và thêm thành phần thích hợp cho từ li hợp như nào, chúng tôi tiếp tục thu thập phiếu điều tra 100 sinh viên năm 1 và 2 ở hai trường như trên. Nội dung điều tra yêu cầu mở rộng từ và điền thêm một thành phần thích hợp trở lên vào từ li hợp. Kết quả điều tra cho thấy sinh viên có thể điền nhưng tối đa chỉ 4 thành phần. Trong từ li hợp mở rộng, các từ khác nhau các thành phần điền từ cũng khác nhau, số lượng từ điền cũng khác nhau, có từ có thành phần điền lên đến hơn 10 từ, được chia thành 6 loại, cụ thể là trợ từ thời thái như “了/rời”, “着/đang”, “过/qua”, lượng từ, danh từ, đại từ, hình dung từ, tổng hợp... Trên thực tế, các sinh viên nhiều nhất chỉ có thể tìm ra 4 loại thành phần điền vào từ.

Kết quả cụ thể như sau: Sinh viên khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Trung Quốc, Đại học ngoại ngữ - Đại học Quốc gia và sinh viên khoa Trung văn Đại học Hà Nội, hiểu và sử dụng cách điền mở rộng từ li hợp hơn kém nhau không nhiều. Sinh viên năm 1 mặc dù đã tiếp xúc qua từ li hợp, nhưng vì lượng từ có hạn, có thể có một vài từ mới vẫn chưa thấy bao giờ, một bộ phận sinh viên chưa hiểu thấu đáo đối với cách mở rộng từ li hợp dẫn đến chưa điền được. Tổng hai trường chưa điền được là: 53/256 từ, chiếm 20.70% . Trong đó, khoa Ngôn ngữ - Văn hóa Trung Quốc, Đại học ngoại ngữ - Đại học Quốc gia chưa điền được là 32/256 từ, chiếm 12.50. Sinh viên khoa Trung, Đại học Hà Nội chưa điền được 21/256 từ, chiếm 8.20%.

Chỉ điền được 1 thành phần, tổng hai trường là: 179/256 từ, chiếm 69.92%. Trong đó, Đại học Hà Nội điền được là 80/256 từ, chiếm 31,25%. Đại học ngoại ngữ - Đại học Quốc gia điền được là 99/256 từ, chiếm 38.67%.

Điền được 2 thành phần, tổng hai trường là: 24/256 từ, chiếm 9.37%. Trong đó, sinh viên khoa Ngôn ngữ - Văn hóa Trung Quốc, Đại học ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội điền được là 16/256 từ, chiếm 6.25%. Sinh viên Đại

học Hà Nội chỉ điền được 8/256 từ, chiếm 3.13%. Ba thành phần trở lên thì không thể điền được.

Đối với năm thứ 2, Đại học Hà Nội chỉ có hai từ “thành tâm” và “hỏi thăm” là không điền được hai thành phần tu bổ của từ. Những từ khác sinh viên có thể điền ít nhất 1 thành phần. cụ thể là điền được 140 từ, chiếm 54.69%, trong đó sinh viên khoa Ngôn ngữ - Văn hóa Trung Quốc, Đại học ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội điền được 65 từ, chiếm 25.39%, Đại học Hà Nội điền được 75 từ, chiếm 29.29%. Có thể điền 2 thành phần cho từ li hợp tổng có 84 từ, chiếm 32.81%. Trong đó, sinh viên khoa Ngôn ngữ - Văn hóa Trung Quốc, Đại học ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội đạt 43 từ, chiếm 16.79%. Sinh viên khoa Trung, Đại học Hà Nội đạt 42 từ, chiếm 16.40%.

Có thể điền 3 thành phần cho từ li hợp tổng 28 từ, chiếm 10.93%. Trong đó, sinh viên khoa Ngôn ngữ - Văn hóa Trung Quốc, Đại học ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội đạt 18 từ, chiếm 7.03%. Đại học Hà Nội là 10 từ, chiếm 3.90%. Có thể điền 4 tu từ cho từ li hợp chỉ có sinh viên khoa Ngôn ngữ - Văn hóa Trung Quốc, Đại học ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội điền được cho 2 từ là “giúp đỡ” và “gặp mặt”. Hiện trạng này chúng tôi cho rằng là học sinh đối với hình thức mở rộng từ cần phải được bồi dưỡng thành thạo hơn nữa.

### **2.3. Khảo sát thụ đắc sử dụng từ li hợp ở sinh viên Việt Nam**

#### **2.3.1. Thuyết minh điều tra**

Ngoài khảo sát tần suất sử dụng từ li hợp của sinh viên qua các bài viết kể trên, chúng tôi còn điều tra sinh viên năm 1 và năm 2 từ tháng 12 , 2016 đến tháng 2 năm 2018. Khảo sát 3 lần, mỗi lần cách nhau khoảng 4 tháng. Nội dung khảo sát có nhìn tranh viết bài khoảng 100 từ, thời gian 20 phút, trong bài có dùng từ “dậy sớm”, “gặp mặt ông bà”, “giúp tôi” và dịch sang tiếng Trung: a) Hôm nay chúng tôi học ba tiết tiếng Trung; b) Bạn tôi hôm qua sốt cao; c) Tôi muốn chụp một kiểu ảnh; d) Mỗi ngày, tôi ôn tập bài cũ một giờ đồng hồ. Trong bốn câu dịch sang tiếng Hán ở trên, chỉ có ba câu trước là liên

quan đến từ li hợp, câu thứ tư là để khảo sát từ “ôn tập” cũng là động từ kết cấu hai âm tiết xem sinh viên có dùng nhầm lẫn là từ li hợp hay không.

Lần kiểm nghiệm thứ nhất với nội dung trên, lần kiểm nghiệm thứ hai, chúng tôi thêm ba yêu cầu là: liệt kê ra những từ li hợp bạn đã học qua. Lần kiểm nghiệm thứ ba thêm vào phần dịch phức tạp hơn “Năm ngoái, bố tôi đã từng mỗi tuần phải làm ca đêm ba lần”. Thời gian trả lời lần một là 20 phút, lần hai và ba là 30 phút.

### **2.3.2. Kết quả điều tra và phân tích kết quả điều tra**

#### **Giai đoạn 1 (giai đoạn sơ cấp): Lần khảo sát thứ nhất**

Giai đoạn 1 lần trắc nghiệm 1 chính là ở cuối kì học thứ nhất năm thứ nhất, các sinh viên đã học tiếng Hán được khoảng 4 tháng. Giai đoạn này trong giáo trình và thực tế học sinh tiếp xúc đã có khá nhiều từ li hợp, nhưng chỉ coi là những từ song âm tiết thông thường. Giáo viên trong quá trình giảng cũng không sớm đề cập đến vấn đề về từ li hợp, cho đến bài 30 của cuốn 2 “Giáo trình hán ngữ” khi viết về từ li hợp như một điểm nhỏ của hiện tượng ngữ pháp.

Từ điều tra có thể thấy, giai đoạn này, các sinh viên không hiểu hoặc hiểu sai từ li hợp khá nhiều. Ví dụ, ngoài 15/24 từ, chiếm 62.5% sinh viên có thể dịch từ “dậy sớm” thành “早起” và “早起床” ra, còn lại dịch sai lệch thành “起床早” và “giúp tôi” 8/24 từ, 占 33.33% dịch thành “帮助我”、“帮我”, còn lại dịch là “帮忙我(sai lệch)”. Đối với “gặp mặt ông bà” có 18/24 từ, chiếm 75.0% dịch sai lệch là “见面爷爷奶奶”, nhưng cũng có 4/24 từ, chiếm 16.67% dịch đúng là “跟爷爷奶奶见面” và “见爷爷奶奶的面”.

Đối với nội dung điều tra thứ 2, những sinh viên được điều tra dịch “Học ba tiết tiếng Trung” dịch thành “学/上三节课汉语”; và “sốt cao” dịch sai lệch thành “发烧高” và “发烧很高”; đối với “chụp một kiểu ảnh” dịch sai lệch thành “照相一个” hoặc “照相一张”..., đều là biểu đạt sai lệch. Còn “Ôn tập bài cũ một giờ đồng hồ” câu này không liên quan đến từ li hợp, sinh viên dịch là:

“复习旧课一个小时”. Đối với người mới học mà nói, cách biểu đạt này vẫn có thể chấp nhận được.

### **Giai đoạn 1 (giai đoạn sơ cấp): Lần khảo sát thứ 2**

Kết quả điều tra của lần khảo sát thứ 2, sinh viên trả lời câu hỏi đúng khá cao. Bài tập thứ 3, sinh viên đã liệt kê ra được 12 từ li hợp. Điều này nói rằng trong 1 năm học tiếng Hán, họ đã tích lũy được một lượng từ li hợp nhất định, nhưng đối với chữ Hán họ cũng tồn tại vấn đề khá lớn, do đó họ đã viết được nhưng bằng tiếng Việt.

### **Giai đoạn 2 (giai đoạn trung cấp): Lần khảo sát thứ 3**

Kết quả điều tra thể hiện, giai đoạn 3, sinh viên đều có ý sử dụng hình thức mở rộng từ li hợp động tân, mở rộng chọn dùng đa dạng, xuất hiện hình thức mở rộng tổ hợp. Mặc dù có sai lệch, nhưng thông qua các giáo viên nhắc nhở sau đó họ đều có thể phát hiện và sửa chữa sai lệch. Họ còn có thể giải thích nguyên nhân tạo ra sai lệch. Nhưng trong điều kiện có thể sinh viên có lúc vẫn tránh sử dụng từ li hợp. Ví dụ, dùng từ “giúp tôi” để miêu tả tranh, vẫn có một số ít sinh viên dùng từ không phải từ li hợp để biểu đạt, thậm chí vẫn còn có sinh viên phạm vào các lỗi liên quan trong cách dùng từ li hợp.

Điểm này không chỉ quan hệ đến vấn đề thiết kế giáo trình, mà còn quan hệ đến giáo viên giảng dạy và chiến lược học tập của sinh viên. Thực tế sớm trước lần khảo sát thứ 2, vào tháng 1 học kỳ 2, trong giáo trình đã giải thích về từ “khiêu vũ”. Sau đó cách 2 bài mới thực sự liệt kê giảng dạy chuyên về hiện tượng ngữ pháp từ li hợp. Trước khi giảng dạy về hiện tượng ngữ pháp từ li hợp, trong giáo trình đã xuất hiện trợ từ động thái “了”, bỏ ngữ kết quả, bỏ ngữ thời lượng. Trước, sau bài dạy về động từ li hợp, đều xuất hiện thêm trợ từ động thái “过”、“着”, bỏ ngữ động lượng, bỏ ngữ phương hướng... và sự liên quan của chúng đến hiện tượng ngữ pháp từ li hợp.

Những hiện tượng ngữ pháp đó trong dạy học có thể cùng kết hợp với từ li hợp, khả năng xuất hiện tổ hợp phân li dần dần tăng, khiến các dạng phương

thức phân li mở rộng của từ li hợp được thụ đắc đồng thời cũng nhiều lên. Chúng tôi tổng hợp kết quả điều tra đối với sinh viên Việt Nam và nhận thấy, hiện trạng thụ đắc từ li hợp có thể phân thành 3 giai đoạn so sánh như sau:

*Biểu 2: So sánh các giai đoạn thụ đắc từ li hợp của sinh viên Việt Nam*

Lần khảo sát	Hình thức phân li	Biểu đạt động tác của đối tượng	Tình hình sai lệch
1	Không	Sai nhiều	Nhiều và chưa nhận thức
2	Có	Đúng nhiều	Ít, có nhận thức nhưng chưa thể lí giải
3	Có	Đúng nhiều	Ít, có nhận thức và có thể lí giải

#### **2.4. Phân tích sai lệch trong quá trình thụ đắc từ li hợp**

Nội dung này sẽ từ hai phương diện để phân tích tình hình sai lệch. Thứ nhất, dựa theo lí luận sai lệch và phát sinh giao thoa trong trung giới ngữ tiến hành phân tích. Thứ hai, dựa vào các lí luận còn lại kể trên để tìm ra sai lệch riêng đối với thụ đắc từ li hợp ở sinh viên Việt Nam. Chúng tôi thông qua thực tế khảo sát để tìm ra tình hình sai lệch dựa trên phiếu điều tra lấy dữ liệu thực tế định lượng và định tính các mặt, tiến hành bổ sung luận chứng về tình hình và nguyên nhân ảnh hưởng dẫn đến điểm khó và sự sai lệch trong sử dụng từ li hợp. Chỉ có thông qua thực tế khảo sát một loạt như này, chúng tôi cuối cùng mới đạt được kết luận có thể bảo đảm tính khách quan và sự chắc chắn.

##### **2.4.1. Thuyết minh phần khảo sát lỗi sai**

Để đạt được tiến hành phân tích đáng tin cậy, làm rõ hiện trạng lỗi thường gặp trong quá trình sử dụng từ li hợp ở sinh viên Việt Nam về đặc điểm và nguyên nhân, chúng tôi đã lựa chọn phương án nghiên cứu đối với mỗi cấp 145 sinh viên khoa tiếng Trung của 2 trường ở trên. Khảo sát vào tháng 5 năm 2016, là khi sắp kết thúc năm học.

Nội dung khảo sát lấy thông tin bao gồm (1) Sinh viên Việt Nam nhận thức và vận dụng thụ đắc từ li hợp như một ngôn ngữ thứ 2 thông qua dịch đối dịch Hán – Việt; (2) Hiện trạng sử dụng từ li hợp ở sinh viên Việt Nam thông qua các bài viết và trắc nghiệm... Dưới đây là phân phân tích lỗi sai.

#### **2.4.2. Phân tích lỗi sai của sinh viên qua kết quả điều tra**

Trong tiếng Hán, “见面” là một từ li hợp gặp trong “Giáo trình Hán ngữ” ở bài 5 cuốn 5. Nhưng, thực tế điều tra tất cả học sinh đều sớm đã biết về từ này. Kết cấu nội tại thuật tân của từ này thì không thể mang tân ngữ. Trong tiếng Việt “gặp mặt bạn cũ” có thể dịch là “见老朋友的面”、“见到/遇见老朋友”、“跟老朋友见面”, Tiếng Việt “gặp” và “gặp mặt” đều có thể mang tân ngữ, do đó có bạn đã dịch sai lệch là“见面老同学”. Đặc biệt là “上中文课” có bạn dịch là “上课中文” hoặc “中文上课”...

Từ li hợp thêm thành phần lượng từ là rất gần gũi ngay cả với cả tiếng Việt. Ví dụ: “chụp ảnh, chụp một kiểu ảnh/ 照片, 照一张片” cũng xuất hiện sai lệch. Kết cấu nội tại của từ “睡觉” thuộc hình thức thuật tân, ý nghĩa của nó tương đương với động từ đơn âm tiết “睡”. Trong tiếng Việt chỉ có từ “ngủ”, mà “ngủ” lại cùng với trạng từ thời gian đứng trước và sau, tính chất ý nghĩa đều khác nhau.

Ngoài ra còn có “ngủ trưa” (睡午觉)、 “ngủ lười” (睡懒觉) ... Một số sinh viên lại cho rằng “睡觉” là kết cấu cố định của động từ nên đã thêm thành phần bổ ngữ vào phía sau, dẫn đến thứ tự từ bị sai lệch dịch là “睡觉一次”或“睡觉一下” hoặc “Chụp một kiểu ảnh” cũng sai lệch như vậy. Một số sinh viên do bị “照”和“照相” hai từ này cách dùng hỗn loạn vào nhau dẫn đến sai mà dịch là “照相一张”.

Đối với “Thi trượt đại học”, có sinh viên dịch sai là: “考大学不上”。“Thi trượt đại học” là do người Việt Nam thường nói một đặc thù về một hình thức phủ định. Trong tiếng Hán “thi trượt” thì tương ứng với 2 loại hình thức diễn đạt, một loại dùng “不” mà dịch là “考不上”, một loại khác dùng “没有”

lại được dịch là “没考上”. Điểm khó của nó là ở phía sau vẫn có “đại học”. Trong tiếng Việt vẫn có thể nói thành “thi đại học trượt”, “thi đại học bị trượt”, “đại học thi trượt”, “thi đại học không đỗ”... trong tiếng Hán cũng có thể dùng phương pháp tân ngữ để trước nói thành “大学考不上”, hoặc là dùng động từ năng nguyện để dịch “不能考上大学”.

Đối với “không khiêu vũ được” trong khi dịch sang tiếng Trung mặc dù không phát sinh lỗi sai, nhưng là xuất hiện 2 cách dịch, thứ nhất là tuân thủ theo yêu cầu của đề phải dịch là “跳不了舞”, đây là đáp án chính xác, thứ 2 là lựa chọn cách biểu đạt không liên quan đến từ li hợp trong khi dịch, mặc dù đáp án có thể tiếp nhận, nhưng phương pháp dịch này không phù hợp với yêu cầu của đề bài (Cố gắng dùng từ li hợp để dịch). Điểm này chứng tỏ lựa chọn phương pháp dịch loại thứ 2 của sinh viên chưa nắm được đặc tính của từ li hợp. Nếu có thể dùng phương pháp từ li hợp dịch sẽ đơn giản hơn.

Về hình thức thuật tân điệp ngữ của từ li hợp, đại đa số sinh viên đều nắm được hình thức điệp ngữ và phương thức biểu đạt động tác phát sinh trong thời ngắn, vì vậy dịch thành “散散步/散一下步” và “跑跑步/跑一下步”, hai cách này đều đúng. Nhưng cũng có nguyên nhân không nắm được tính chất từ li hợp mà dịch thành “散步散步”, “跑步跑步”, cũng có dịch sai là “散步一下”和“跑步一下”...

Trong mở rộng từ thêm thành phần cho từ li hợp như “唱一首汉语歌/ hát một bài tiếng Trung”, “下一阵真大的雨/ mưa một trận thật to”, trong đó đã có số lượng từ lại có tu bổ trung tâm từ của danh từ hoặc hình dung từ. Đối với bài tập luyện dịch này có một số sinh viên thể hiện rất ngượng ngịu, viết câu trả lời sau đó lại chữa, thậm chí có khi cuối cùng chữa câu đúng thành câu sai, tẩy xóa chữ. Câu dịch sai có:

(1) \*我想唱一首歌中文; (2) \*昨天下了一阵雨很大; (3) \*昨天下雨一阵很大。

Những lỗi này chủ yếu thể hiện sinh viên chưa hiểu cách mở rộng từ li hợp, họ cho rằng từ li hợp cấu trúc thuật tân giống như các động từ thông



thường. Vì vậy, do nhầm lẫn mà dẫn đến phương thức lặp lại, thêm thành phần, trật tự từ đảo lộn, thiếu lốt, và kết cấu câu... đều xuất hiện lỗi sai.

Nhìn từ hình thức lỗi, theo tiêu chuẩn phân loại thông thường, chúng tôi phân sinh viên Việt Nam sai lệch từ thành các loại sau: “sai trật tự”, “thiếu lốt”, “dư thừa”, “mang tân ngữ”, “trực tiếp mang bổ ngữ”, “lặp lại toàn bộ”... Dưới đây, chúng tôi chia thành 5 loại hiện trạng hiện trạng lỗi của sinh viên của hai trường Đại học ngoại ngữ, Đại học quốc gia Hà Nội và Đại học Hà Nội trong quá trình thụ đắc từ li hợp như bảng sau:

*Bảng 3: 5 loại lỗi sai trong thụ đắc từ li hợp của sinh viên Việt Nam*

Loại lỗi	Ví dụ
Sai trật tự	*他们夫妻俩一连几年没有见面过。 / Hai vợ chồng họ mấy năm liền không gặp nhau
Lỗi tân ngữ	*新年来, 我和同学们一起去拜年老师。 / Năm mới đến, tôi và các bạn học đi chúc tết thầy cô
Lỗi trực tiếp mang bổ ngữ	*课间休息, 我们聊天得很高兴。 / Nghỉ chuyển tiết học, chúng tôi nói chuyện rất vui.
Lỗi lặp lại toàn thể	*这事我办不了, 请帮忙帮忙。 / Việc này tôi không làm được, xin hãy giúp tôi.
Lỗi thiếu lốt	*在公园里, 两个老人(向)对方谈话。 / Hai người già nói chuyện với nhau trong công viên.

## 2.5. Phân tích nhân tố ảnh hưởng tới quá trình thụ đắc từ li hợp

Nhân tố ảnh hưởng thụ đắc từ li hợp biểu hiện bên trong và bên ngoài, ở đây chúng tôi thảo luận nhân tố ảnh hưởng bên trong chỉ giới hạn “độ phân li”. Có thể nói, độ phân li của từ li hợp ảnh hưởng rất lớn đến thụ đắc từ. Theo kết quả nghiên cứu đã nêu, chúng tôi biết được chiếm phần lớn trong từ li hợp là hình thức thuật tân. Theo các lí luận liên quan, hình thức thuật tân có độ phân li cao, trong đó “động từ” ngữ tố động từ và “tân” ngữ tố danh từ kết hợp với nhau, độ phân li của chúng càng rõ ràng, dẫn đến ngữ ý trong sáng càng cao. Thực tế chứng minh, “độ phân li” ảnh hưởng rất lớn đến quá trình thụ đắc từ.

Trong rất nhiều hoàn cảnh, từ tạo thành nghĩa từ vựng không do các kết cấu ngữ ý của ngữ tố hợp lại cấu thành. Độ phân li cao của hình thức động tân của từ li hợp do ở giữa từ có thể thêm các thành phần khác. Ngữ tố “động” và “tân” liên kết có tính chất tăng thêm bố cục độ rõ ràng. Do đó, ý nghĩa của những từ này phần lớn là tổ hợp ý nghĩa ngữ tố cấu thành. Do có thể dựa vào hình thức phân li để sử dụng ngữ tố “động”, “tân” càng bảo đảm tính chất vốn có của nó, mà không phát sinh quá nhiều tiện ích mở rộng và biến hóa ý nghĩa. Vì vậy, dẫn đến hình thức động tân hợp thành từ giữa độ phân li cao và độ phân li thấp có độ rõ ràng ngữ ý khác biệt nhất định. Đối với sinh viên Việt Nam, chắc chắn chịu sự ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình thụ đắc từ li hợp.

Hình thức thuật tân của động từ li hợp tạo ý nghĩa thêm trong sáng ảnh hưởng đến thụ đắc tiếp thu và sản sinh tư duy từ hai mặt. Cái gọi là “Thụ đắc tiếp thu” thể hiện ở việc thông qua hai phương diện kinh nghiệm kỹ năng nghe và đọc. “Thụ đắc sản sinh” là thông qua khẩu ngữ biểu hiện và diễn đạt văn viết, tức là vận dụng cách dùng từ li hợp để thể hiện bản thân tư duy hiểu biết và viết ra. Ví dụ: “nói chuyện” trong từ li hợp này, “nói” là “động” ngữ tố, chỉ là “nói”, “thảo luận”, “nói ra ý kiến của bản thân”... “chuyện” là “tân” ngữ tố, chỉ là ngôn ngữ hoặc dùng ngôn ngữ để biểu đạt tư tưởng tình cảm hoặc quan điểm, “nói chuyện” ý nghĩa là “một người nào đó đang cùng nói chuyện”. Do đó, độ khó của nó không lớn, các sinh viên khá dễ hiểu ý nghĩa của từ. Nhưng, độ phân li cao của hình thức động tân của từ li hợp lại có thể dẫn đến khó khăn trong thụ đắc từ. Do đối với hình thức phân li của nó, có thể thêm nhiều thành phần vào giữa ngữ tố “động” và ngữ tố “tân” mà tạo ra sự phức tạp. Đặc điểm độ phân li cao của hình thức động tân từ li hợp có thể khiến các sinh viên trong phương diện sản sinh tức là trong sử dụng những từ li hợp này để nói chuyện hoặc viết ra văn bản là không dễ dàng, khả năng có thể phát sinh sai lệch là cao.

## **2.6. Nguyên nhân lỗi trong sử dụng từ li hợp của sinh viên Việt Nam**

Thông thường mà nói, nguyên nhân hình thành sai lệch chủ yếu biểu hiện ở các phương diện dưới đây: (1) Lỗi do ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ; (2) Lỗi do không tương thích ở yếu tố giảng dạy và chiến lược học tập; (3) Lỗi do yếu tố giáo trình; (4) Lỗi do bản thân độ khó của ngôn ngữ đang học tập; (5) Lỗi do quy tắc của ngôn ngữ đang học quá phức tạp.

Tóm lại, lỗi sai đến từ nhiều phía, chủ yếu là do sinh viên chưa dành thời gian củng cố, nỗ lực để nhận biết đặc tính của từ, sự phân li mở rộng của từ li hợp, hoặc là ý thức còn yếu, thêm vào đó bản thân độ khó của từ cũng lớn. Họ đối với nhận thức về từ li hợp và ý thức về phân li mở rộng bồi dưỡng quá dựa vào giáo trình thiết kế trong nội dung dạy và các giáo viên giảng giải, chưa có thêm các tài liệu liên quan chuyên viết về từ li hợp để bổ sung đầy đủ cho phần này. Do đó, tất cả sai lệch hoặc nhiều hoặc ít đều do chất lượng thiết kế giáo trình và chất lượng phương pháp giảng dạy cũng như ý thức tầm quan trọng để tập trung chỉ đạo xử lý các vấn đề liên quan của từ li hợp.

### **CHƯƠNG 3**

#### **CÁC BƯỚC THỤ ĐẮC TỪ LI HỢP, MÔ THỨC GIẢNG DẠY VÀ KIẾN NGHỊ DẠY HỌC**

Căn cứ vào tính chất của công tác dạy học tiếng Hán cho người nước ngoài như một ngoại ngữ, để tiến thêm bước thảo luận vấn đề giảng dạy từ li hợp, quy luật thụ đắc từ li hợp cho sinh viên Việt Nam và dạy học ngoại ngữ liên quan đến hai vấn đề là biên soạn giáo trình và thực thi hoạt động giảng dạy, chúng tôi đề ra các bước thụ đắc từ li hợp cho sinh viên Việt Nam và mô thức giảng dạy từ li hợp cho sinh viên Việt Nam.

##### **3.1. Các bước thụ đắc từ li hợp cho sinh viên Việt Nam**

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu ở trên, chúng tôi đề ra quá trình thụ đắc từ li hợp nên tuân thủ theo các bước sau:

(1) Nắm được trình tự hợp trước li sau; (2) Nắm được dạng phân li cơ bản sau đó đến phương thức phân li tổ hợp; (3) Nắm được độ phân li ít sau đó đến độ phân li nhiều; (4) Nắm được do “tân” trực tiếp tương quan thành phần cấu thành hình thức phân li, sau đó nắm bắt do “động” trực tiếp tương quan thành phần cấu thành hình thức phân li; (5) Trước hết thiết kế quan hệ ngữ ý động tân “V + 受事”, sau sắp xếp các thành phần khác sau.

Theo phân tích kết cấu của từ li hợp, cấu thành ngữ tố phong phú, đa dạng, chúng tôi rất khó từ mặt chữ biện luận nhận biết thụ đắc phân biệt từ qua các ý nghĩa, ngữ tố cấu thành và quan hệ giữa chúng. Do đó, chúng tôi cũng cho rằng là không thể từ mặt chữ phán đoán một từ là có thuộc từ li hợp hay không. Thông thường, chỉ là học qua và nhớ mới có thể phân biệt được. Thụ đắc phân biệt hình thức từ li hợp rất đa dạng, giáo viên trong quá trình giảng dạy trên lớp, do thời gian có hạn mà nội dung dạy học thường yêu cầu đạt tới độ sâu, rộng dẫn đến vẫn không thể đối với mỗi từ li hợp giải thích đến chi tiết, nhiều nhất chỉ có thể lấy một vài ví dụ để thuyết minh. Do đó, trong mỗi bảng từ vựng của giáo trình, bao gồm bảng phụ lục tổng hợp nội dung từ mới, đều nên chú thích cho từ li hợp, để các sinh viên tự học, ôn tập, chuẩn bị bài mới của phần từ vựng, dễ dàng nắm được tính chất của mỗi từ thêm thuận tiện.

Khi thiết kế hiện tượng ngữ pháp liên quan đến nội dung từ li hợp, nên liên hệ đến tiếng Việt tương ứng biểu đạt, làm rõ sự giống và khác nhau giữa hai ngôn ngữ, để sinh viên dễ dàng học hỏi từ trong giáo trình giải thích, lí giải được và vận dụng sử dụng được.

### **3. 2. Mô thức dạy học từ li hợp cho sinh viên Việt Nam**

Thông qua nghiên cứu, chúng tôi đề ra mô thức dạy từ li hợp cho sinh viên bao gồm: (1) Mô thức dạy từ vựng là ngôn ngữ hai “nhận thức -- động lực”; (2) Mô thức dạy học từ li hợp trong tiếng Hán hiện đại.

Với đặc thù trọng điểm và điểm khó của từ li hợp thì nên tuân theo mô thức “nhận thức -- động lực” trong dạy từ li hợp. Khi thiết kế nhiệm vụ dạy học, giáo viên cần chú trọng “gia công thông tin sâu” để tạo được tình huống.

Đặc điểm xử lý sâu từ li hợp không giống với từ thông thường ở hình thức “li” phức tạp của chúng. Do đó, trong dạy từ li hợp, không chỉ phải tiến hành gia công đối với hình thức ngữ âm, thị giác chữ viết của chúng để xác định vị trí tách âm mở rộng từ và vị trí chữ viết phân li mở rộng, mà quan trọng hơn là ở độ sâu nhận thức từ vựng, chức năng ngữ ý đều phải tiến hành gia công sâu.

Đối với đơn vị cơ bản của dạy học tiếng Hán với tư cách là ngôn ngữ hai, chủ yếu có hai quan điểm. Thứ nhất là, khi dạy tiếng Hán đơn vị cơ bản là chữ Hán, loại đơn vị Hán tự cơ bản này gọi là “Tự bản vị”, một loại quan điểm khác cho là đơn vị cơ bản là từ, còn gọi là “Từ bản vị”.

Các học giả cho rằng dạy tiếng Hán là ngôn ngữ hai, trong dạy học đơn vị cơ bản là từ. Có 3 lí do, thứ nhất là từ vựng dạy học mất nhiều thời gian nhất, liên tục kéo dài cho đến trung cấp, thậm chí đến suốt cả quá trình dạy học ở giai đoạn cao cấp. Ngoài ra, dạy từ vựng cũng là dạy cơ bản ngữ pháp, sinh viên nếu không nắm được từ vựng làm cơ bản thì rất khó thực thi dạy ngữ pháp. Nguyên nhân thứ hai là, từ là đơn vị cơ bản để tạo câu, là quá trình cơ bản của ngôn ngữ giao tiếp, biên mã của người nói phát đi, người nghe tiếp nhận, giải mã, đều là ở thực hiện từ cơ bản. Thứ ba là, từ vựng tiếng Hán là âm, chữ, ngữ ý, ngữ pháp, ngữ dụng và văn hóa cùng tương quan hợp thể. Vì vậy, từ li hợp chính là trọng điểm cần được gia công nhiều hơn trong công tác dạy học tiếng Hán với tư cách là ngôn ngữ hai.

Với mô thức “nhận thức -- động lực” mà quá trình dạy học từ vựng đặc biệt là từ vựng tiếng Hán là sự tương quan tổng thể. Vì vậy, giáo viên nên kết hợp chữ Hán, truyền cảm hứng cho sinh viên ở hình, âm, ý trên quan hệ thú vị để sinh viên nắm được cách viết và ý nghĩa. Như vậy, không những có thể lôi cuốn cảm hứng học tập cho sinh viên, mà còn có thể khiến sinh viên có cơ sở khoa học để nhớ từ vựng. Học từ vựng và ngữ pháp cũng có quan hệ mật thiết.

Dạy học từ vựng bản thân đã bao hàm dạy thành phần ngữ pháp. Từ li hợp càng như vậy. Từ vựng trong dạy học nhất định phải liên quan đến phương thức kết cấu từ và từ loại, còn câu pháp thuộc về ngữ pháp, một bộ phận thành tố. Lấy tiếng Hán mà nói, kết cấu từ và kết cấu câu pháp là sự tương hỗ. Ví dụ, “脸红/đỏ mặt” kết cấu của từ này với câu “他的脸很红/mặt của anh ấy rất đỏ” phương thức kết cấu như nhau, mà “上课/lên lớp” và “上一堂课/dạy một lớp học” hoặc “上一节汉语课/dạy một tiết học tiếng Hán” hai kết cấu này cũng như nhau. Do đó, có thể thấy dạy sinh viên một tiết từ vựng, đặc biệt là tiết học về từ li hợp, giáo viên có thể ở kết cấu nội tại, công năng của từ phân tích cơ bản, tiến hành từng bước phát triển là thành chủ từ, động từ, danh từ... để sinh viên có thể từ cơ bản, tiến hành mở rộng, hoặc thành tổ từ, hoặc thành câu, để sinh viên có thể học từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp, từ từ đến tổ từ và câu, dần dần đến toàn văn. Làm linh hoạt dạy từ vựng và dạy ngữ pháp có quan hệ mật thiết, hai bên thống nhất, nâng cao hiệu quả giảng dạy.

### **3.3. Kiến nghị dạy, học từ li hợp đối với sinh viên Việt Nam**

#### **3.3.1. Kiến nghị đối với người dạy**

Trong giảng dạy từ li hợp đã nêu trên, giáo viên cần chú trọng dùng phương pháp đối chiếu, bao gồm đối chiếu Hán, Việt với bản thân ngôn ngữ đang học bằng mọi sự liên quan trong các mặt, các đặc điểm tương đương của ngôn ngữ. Hướng đạo sinh viên phát hiện sự giống và khác nhau, từ đó tận dụng ảnh hưởng tích cực của sự tương đồng, tránh ảnh hưởng khác biệt gây sai lệch, để sinh viên càng nắm được tốt hơn cấu tạo nội tại và công năng của từ cũng như đặc điểm ngữ pháp. Giáo viên cần quan tâm đến nhiệm vụ và phương pháp dạy học sáng tạo vận dụng vào thực tế quá trình giảng dạy. Quan tâm đến nhiệm vụ trước sau trong hoàn cảnh dạy học khác nhau, kết hợp với bài học thảo luận phân tổ, chú ý nâng đỡ đến tư duy cá nhân của sinh viên cùng kết hợp với sự hợp tác giữa các sinh viên. Trong bài giảng, giáo viên nên chú ý sử dụng nhiều công cụ hỗ trợ cho bài học, kích thích sinh viên thông qua nhìn, nghe, nói cùng kết hợp, tích cực tham gia dạy học trên lớp.

### **3.3.2. Kiến nghị đối với sinh viên**

Trong quá trình thụ đắc tiếng Hán, sinh viên phải nhận thức được từ li hợp là một điểm khó và cũng là trọng điểm, từ đó xác định được đâu là điểm cần phải chú trọng. Tích cực tham gia hoạt động trên lớp không những tạo cơ hội để hoàn tất kiến thức vận dụng vào thực tế trong giao tiếp, mà còn mạnh dạn tương tác xử lý thành thói quen sử dụng ngôn ngữ đang học. Trong quá trình học tập nên tích cực so sánh đối chiếu, tìm ra các mặt giống và khác nhau có thể vận dụng với từ li hợp. Đồng thời cũng phải tự nêu câu hỏi về các điểm ngôn ngữ liên quan trong thời gian điều chỉnh “ngôn ngữ trung gian”. Từ đó, tận dụng những ảnh hưởng tốt từ tiếng mẹ đẻ, tránh ảnh hưởng gây lỗi do sự giao thoa ngôn ngữ, nâng cao hiệu quả học tập.

Do tính phức tạp của từ nên cần dựa vào một số đặc tính của từ li hợp để tiến hành phân loại thành từng nhóm tương đồng về một số đặc điểm phù hợp với tư duy cá nhân của bản thân để thuận lợi và nhanh chóng cho việc ghi nhớ từ và cách sử dụng của chúng. Cùng những từ gần gũi tương tự tiến hành đối chiếu so sánh, để phân biệt giữa từ li hợp và từ không phải là từ li hợp, đối chiếu để tiến hành thông dịch sự phức tạp của ngôn ngữ đôi bên.

### **3.3.3. Kiến nghị đối với biên soạn giáo trình**

Trên cơ sở tạo điều kiện ghi nhớ cho thụ đắc từ vựng trong dạy học từ vựng của ngôn ngữ thứ hai và hiện trạng của quá trình thụ đắc ngôn ngữ mà chúng tôi khảo sát được, chúng tôi cho rằng, trong giáo trình cần bổ sung chú thích rõ những trọng điểm ngôn ngữ, trong đó có từ li hợp để gây sự chú ý cho người học, thêm ví dụ và bài luyện tập, góp phần khắc phục những tồn tại của sinh viên trong quá trình thụ đắc từ li hợp hiện nay.

Thông qua khảo sát giáo trình, chúng tôi kiến nghị trong chương trình dạy học tiếng Hán nên có tài liệu đi kèm là “Từ điển cách dùng từ li hợp thông dụng”. Tham khảo các sách giáo trình Hán ngữ đối ngoại của Trung Quốc để có hướng soạn viết giáo trình tiếng Hán dành cho sinh viên Việt Nam. Xác

định rõ các phần trọng điểm và điểm khó trong tiếng Hán đối với sinh viên Việt Nam, trong đó có so sánh đôi chiều điểm khác biệt giữa tiếng Hán với tiếng Việt. Như vậy, trong quá trình học tập, sinh viên sẽ có thể tự nghiên cứu, tạo thói quen vận dụng, khắc phục ảnh hưởng tiêu cực gây ra lỗi, dẫn đến kéo dài thời gian, khó khắc phục, chậm nhận biết trong thời gian học, tạo điều kiện thuận lợi cho học tập và giảng dạy từ li hợp và tiếng Hán.

## KẾT LUẬN

Trong nghiên cứu này, chúng tôi dựa vào đặc thù của từ li hợp trong tiếng Hán, điều tra phân tích, thuyết minh hiện trạng về thụ đặc thù li hợp ở sinh viên Việt Nam. Mặc dù các phương diện chưa thể phân tích hết, nhưng nó cũng là cơ sở tiền đề để hiểu và giải quyết hiện trạng này và là nền tảng cho những nghiên cứu khác sâu hơn. Qua khảo sát chúng tôi có thể đưa ra một số kết luận sau: Sinh viên Việt Nam trong quá trình thụ đặc từ li hợp đã chú ý đến vận dụng từ, lí giải hình thức “hợp” và dần sau đó là “li”, biết nắm bắt và vận dụng được công năng, mở rộng từ, thêm các thành phần, một số cách dùng đặc biệt, cũng như sự phân biệt với từ thông thường, nhưng vẫn cần được nâng cao.

Thông qua khảo sát và phân tích kết quả khảo sát, chúng tôi thấy, lỗi sai hình thức “hợp” là do lẫn giữa từ li hợp và từ thông thường song âm tiết, dẫn đến lỗi sai khi đặt các vị trí tân ngữ hoặc lỗi sai vị trí khi mở rộng từ và thêm các thành phần trong 6 loại thành phần mở rộng từ, do chưa cụ thể được mỗi từ có mấy thành phần thêm vào và bao gồm những loại nào, đặc biệt với từ “的”. Ngoài ra, trong cách lặp lại, đảo ngữ, vẫn còn sai sót.

Lỗi sai kể trên là vấn đề của người học tiếng Hán với tư cách là ngôn ngữ hai, do ảnh hưởng tiêu cực từ sự chuyển di của tiếng mẹ đẻ là tiếng Việt và bản thân sự phức tạp của từ li hợp. Ngoài ra, nguyên nhân trong giảng dạy do phương pháp, mô thức dạy và trật tự các bước dạy chưa được xử lí sâu và hệ thống đối với từ li hợp, chưa sớm chỉ đạo sát sao học sinh nắm vững về đặc



tính từ li hợp và hiểu tầm quan trọng trong thụ đắc về chúng để vận dụng được ngay, nhiều, và thông suốt trong quá trình học để sớm khắc phục lỗi sai và ảnh hưởng tiêu cực của ngôn ngữ trung gian.

Do đó, mô thức giảng dạy “nhận thức -- động lực” đối với từ li hợp cho sinh viên Việt Nam cần được áp dụng trong yêu cầu xử lý sâu vấn đề. Nên có thêm bài tập nhận biết từ li hợp trong quá trình học để tích lũy dần sự hiểu biết và phân biệt được giữa từ li hợp và từ thường, từ có nghĩa gần và đối chiếu so sánh thông dịch hai ngôn ngữ trong quá trình học, phát triển thụ đắc cao từ vựng cũng như từ li hợp cho sinh viên.

Thông qua mô thức hoạt động dạy học, dạy từ vựng tiếng Hán là ngôn ngữ thứ hai nói chung, thì riêng đối với đặc thù giảng dạy từ li hợp cho sinh viên Việt Nam nên chú trọng cụ thể đầy đủ các bước dạy gồm: ngữ âm, ngữ ý tổng thể “hợp”, ngữ ý “li”, chữ viết, từ loại, công năng của từ trong câu, phương thức mở rộng từ, thành phần thêm vào, quy luật thứ tự từ thêm vào, quy luật ngữ pháp thứ tự từ, cách dùng đặc biệt như: điệp ngữ, đảo ngữ, ngữ cố định. Đồng thời tiến hành đối chiếu từ gần tương đương không phải là từ li hợp, đối chiếu với tiếng Việt ảnh hưởng thuận lợi do tương đồng, ảnh hưởng sai lệch do khác biệt và các hiện tượng giao thoa trung giới ngữ. Để sinh viên có thể phân biệt, nắm bắt, ghi nhớ và vận dụng tốt trong quá trình thụ đắc từ vựng tiếng Hán nói chung và từ li hợp nói riêng.

Thông qua khảo sát tài liệu, giáo trình, chúng tôi kiến nghị trong chương trình dạy học tiếng Hán nên có tài liệu đi kèm là “Từ điển cách dùng từ li hợp thông dụng” và biên soạn giáo trình riêng cho sinh viên Việt Nam chuyên ngành tiếng Hán thông qua sự tham khảo các giáo trình do các chuyên gia bản địa Trung quốc viết. Trong bảng từ vựng chú thích ra những từ li hợp và thiết kế độc lập thêm các bài ôn luyện về từ li hợp cho sinh viên Việt Nam.

**NGHIÊN CỨU SINH TRONG QUÁ TRÌNH HỌC  
ĐĂNG BÀI LIÊN QUAN**

<b>TT</b>	<b>Tên công trình</b>	<b>Năm công bố</b>	<b>Tạp chí/ Hội thảo</b>
1	Đôi nét về từ li hợp trong tiếng Hán	2015	T/c Ngôn ngữ & Đời sống, Số 10(240) 2015
2	Phân tích lỗi sai thường gặp khi sử dụng từ li hợp trong tiếng Hán hiện đại của sinh viên Việt Nam	2018	T/c Khoa học Ngoại ngữ Quân sự, 1- 2018